

BIÊN BẢN
HỌP XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN, NÂNG MỨC PHỤ CẤP TNVK VÀ
PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO NĂM 2023, NÂNG TRƯỚC THỜI HẠN 2024

Hôm nay ngày 15 tháng 02 năm 2023 Hội đồng xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng tỷ lệ % thâm niên vượt khung và nâng tỷ lệ thâm niên nhà giáo 2023, nâng lương trước thời hạn năm 2024, gồm những thành phần sau đây:

- 1.Bà: Trần Thị Bích Hợp – Bí thư Đảng bộ – Hiệu trưởng.
- 2.Bà: Hà Thanh Thủy- P. Hiệu trưởng.
- 3.Ông: Nguyễn Văn Tường- P. Hiệu trưởng.
- 4.Bà: Nguyễn Minh Thư – Chủ tịch Công đoàn -Thư kí HĐGD.
- 5.Bà: Tống Thị Thoa – Bí thư Đoàn trường
- 6.Bà: Nguyễn Lệ Thủy - PT. Kế toán
- 7.Ông: Nguyễn Ngọc Hoàn- Thanh tra nhân dân.

Sau khi nghiên cứu Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn Nhà Nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Trường THPT Đồng Đa thực hiện nâng lương thường xuyên, nâng phụ cấp TNVK, nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo năm 2023, xét nâng lương trước thời hạn năm 2024 cho giáo viên, nhân viên, Đối chiếu với các tiêu chuẩn theo công văn hướng dẫn (có minh chứng, QĐ kèm theo)

Hội đồng lương đã thống nhất đề nghị Hiệu trưởng trường THPT Đồng Đa ra quyết định như sau:

- Nâng bậc lương thường xuyên năm 2023 cho: 30 Giáo viên + 04 nhân viên
- Nâng phụ cấp vượt khung năm 2023: 01 Giáo viên
- Nâng phụ cấp TNNG năm 2023: 89 Giáo viên
- Nâng lương trước thời hạn năm 2024: cho: 04 giáo viên

Cuộc họp đã thống nhất và kết thúc vào hồi 10 giờ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

TM. Hội đồng lương trường THPT Đồng Đa
CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐA

DANH SÁCH NĂNG LƯƠNG NĂM 2023

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Mức lương cũ			Mức lương mới			GHI CHÚ
			Mã ngạch	Hệ số lương cũ	Ngày tháng năm được hưởng lương cũ	Hệ số lương mới	Ngày tháng năm được hưởng	Mức tính năng lương lần sau	
1	2	3		7	10				24
A. CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC									
1	Trần Thị Cậy	12/12/1974	V070515	3,66	01/01/2020	3,99	01/01/2023	01/01/2023	
2	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	12/07/1986	V070515	3,33	01/01/2020	3,66	01/01/2023	01/01/2023	
3	Vũ Thị Thùy	20/05/1979	V070515	3,33	01/01/2020	3,66	01/01/2023	01/01/2023	
4	Bùi Thị Lành	13/06/1978	V070515	4,32	01/01/2020	4,65	01/01/2023	01/01/2023	
5	Tổng Thị Thoa	22/10/1980	V070515	3,99	01/01/2020	4,32	01/01/2023	01/01/2023	
6	Lưu Hồng Xuân	22/10/1979	V070515	3,99	01/01/2020	4,32	01/01/2023	01/01/2023	
7	Chu Thị Thu Hà	15/04/1978	V070515	3,66	01/01/2020	3,99	01/01/2023	01/01/2023	
8	Nguyễn Thị Bích Hà	07/09/1986	V070515	3,33	01/01/2020	3,66	01/01/2023	01/01/2023	
9	Đoàn Thị Huệ	22/07/1980	V070515	3,66	01/01/2020	3,99	01/01/2023	01/01/2023	
10	Vương Thị Thuý	03/07/1976	V070515	4,65	01/07/2020	4,98	01/01/2023	01/01/2023	Năng lương TH 1/2023
11	Nguyễn Thị Hồng Minh	20/09/1986	06035	2,22	01/01/2021	2,40	01/01/2023	01/01/2023	NVTQ - 02 năm nâng TX
12	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/11/1991	01004	2,46	01/01/2021	2,66	01/01/2023	01/01/2023	NVVP - 02 năm nâng TX
13	Bùi Văn Điều	28/01/1970	V070515	3,99	01/02/2020	4,32	01/02/2023	01/02/2023	
14	Phạm Việt Anh	25/05/1979	V070515	3,99	01/08/2020	4,32	01/02/2023	01/02/2023	Năng lương TH 2/2023
15	Trần Thị Hạnh	20/04/1982	V070515	3,99	01/03/2020	4,32	01/03/2023	01/03/2023	
16	Đỗ Thị Phương Bắc	22/02/1984	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/04/2023	01/04/2023	Năng lương TH 4/2023
17	Hoàng Trường Thuận	08/02/1980	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/04/2023	01/04/2023	Năng lương TH 4/2023
18	Đinh Thùy Linh	15/09/1981	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/04/2023	01/04/2023	Năng lương TH 4/2023
19	Đào Thị Lan	12/03/1985	V070515	3,66	01/11/2020	3,99	01/05/2023	01/05/2023	Năng lương TH 5/2023
20	Ngô Thị Hằng	09/11/1981	V070515	3,99	01/05/2020	4,32	01/05/2023	01/05/2023	
21	Nguyễn Thị Hiệp	26/04/1977	V070515	3,66	01/05/2020	3,99	01/05/2023	01/05/2023	
22	Khổng Thị Huyền	11/11/1979	V070515	3,66	01/05/2020	3,99	01/05/2023	01/05/2023	
23	Nguyễn Thị Phương Mai	29/10/1975	V070515	3,66	01/05/2020	3,99	01/05/2023	01/05/2023	
24	Đỗ Thị Tân	28/02/1975	V070515	4,65	01/01/2021	4,98	01/07/2023	01/07/2023	Năng lương TH 7/2023
25	Phạm Thị Lan Hương	06/11/1975	V070515	4,32	01/07/2020	4,65	01/07/2023	01/07/2023	
26	Đoàn Thị Minh Phương	12/09/1970	V070515	4,32	01/07/2020	4,65	01/07/2023	01/07/2023	
27	Bùi Huy Hiếu	31/03/1979	V070515	3,99	01/08/2020	4,32	01/08/2023	01/08/2023	
28	Nguyễn Thị Phương Anh	18/02/1979	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/10/2023	01/10/2023	
29	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/11/1975	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/10/2023	01/10/2023	
30	Nguyễn Minh Thư	16/01/1982	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/10/2023	01/10/2023	
31	Nguyễn Thị Hương	09/04/1982	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/10/2023	01/10/2023	
32	Ngô Phương Hải	06/09/1984	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/10/2023	01/10/2023	
33	Phùng Thị Ngoan	23/12/1978	V070514	4,00	01/10/2020	4,34	01/10/2023	01/10/2023	
34	Kiều Xuân Thuý	27/07/1977	V070515	3,66	01/11/2020	3,99	01/11/2023	01/11/2023	
35	Nguyễn Thị Đức	28/03/1985	V070515	3,66	01/11/2020	3,99	01/11/2023	01/11/2023	
36	Nguyễn Tuyết Trang	26/02/1985	V070515	3,66	01/11/2020	3,99	01/11/2023	01/11/2023	
37	Nguyễn Thị Vân Anh	05/11/1977	V070515	3,66	01/11/2020	3,99	01/11/2023	01/11/2023	
38	Phạm Văn Hồng	19/03/1977	V070515	4,32	01/12/2020	4,65	01/12/2023	01/12/2023	
39	Phạm Thị Tuyết Thanh	10/12/1975	V070515	4,65	01/12/2020	4,98	01/12/2023	01/12/2023	
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG									
40	Trương Tuấn Oanh	09/10/1974	01011	1,68	01/03/2021	1,86	01/03/2023	01/03/2023	NV 02 năm nâng
41	Phan Hữu Việt	28/12/1983	01011	2,22	01/01/2021	2,40	01/01/2023	01/01/2023	NV 02 năm nâng

Hà Nội ngày 25 tháng 12 năm 2022

Chủ tịch Công Đoàn

Kế toán

Hiệu trưởng



TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐA

DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN TĂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2023

STT	Họ tên	Hệ số lương cũ	Mốc tăng lương cũ	Hệ số lương mới	Mốc tăng lương trước hạn tháng	Thành tích CSTĐ
1	Vũ Văn Đại	3,99	1/4/2020	4,32	10/2022	16-17; 20-21
2	Trương Văn Lự	3,66	1/5/2020	3,99	11/2022	16-17; 20-21
3	Vương Thị Thúy	4,65	01/7/2020	4,98	1/2023	16-17; 19-20
4	Nguyễn Thu Thủy	4,00	1/8/2020	4,34	2/2023	17-18; 20-21
5	Phạm Việt Anh	3,99	1/8/2020	4,32	2/2023	18-19
6	Hoàng Trường Thuận	4,00	1/10/2020	4,34	4/2023	16-17; 18-19
7	Đinh Thùy Linh	4,00	1/10/2020	4,34	4/2023	19-20
8	Đỗ Thị Phương Bắc	4,00	1/10/2020	4,34	4/2023	17-18; 19-20
9	Trần Mạnh Hùng	3,66	1/11/2020	3,99	5/2023	20-21
10	Đào Thị Lan	3,66	1/11/2020	3,99	5/2023	19-20; 20-21

Người lập biểu

Nguyễn Lệ Thủy

Chủ tịch Công đoàn

Nguyễn Minh Thư

Ngày tháng năm 2022

Hiệu trưởng



Trần Thị Bích Hợp

DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN TĂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2024

STT	Họ tên	Ngày sinh	Mã ngạch	Hệ số lương cũ	Mốc tăng lương cũ	Hệ số lương mới	Mốc tăng lương trước hạn tháng	Thành tích CSTĐ
1	Đỗ Thị Tân	28/02/1975	V.07.05.15	4,65	01/01/2021	4,98	01/07/2023	2020-2021 - chuyển từ THPT sang HVT sang
2	Hoàng Quốc Định	23/01/1978	V.07.05.15	4,32	01/07/2021	4,65	01/01/2024	2017-2018+2021-2022
3	Vũ Thị Lan	05/05/1982	V.07.05.15	3,99	01/10/2021	4,32	01/04/2024	2020-2021
4	Trình Thị Thu Huyền	03/04/1978	V.07.05.15	3,99	01/11/2021	4,32	01/05/2024	2018-2019

Người lập biểu


Nguyễn Lệ Thủy

Chủ tịch Công đoàn


Nguyễn Minh Thư

Ngày tháng 02 năm 2023

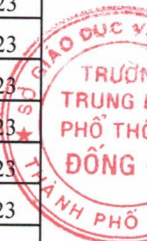
Hiệu trưởng



Trần Thị Bích Hợp

DANH SÁCH NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO NĂM 2023

TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	MỨC PCTNNG ĐANG HƯỞNG NĂM 2022			NÂNG MỖI PCTNNG NÂNG NĂM 2023		
					Mã ngạch	% PCTNNG	Ngày tháng năm hưởng	Mã ngạch	% PCTNNG	Ngày tháng năm hưởng
1	2	3	4	5		11	12	24		
A. CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC										
1	Hà Thanh Thuý	29/04/1972	Nữ	PHT	V070514	27	01/01/2023	V070514	28%	01/01/2023
2	Nguyễn Văn Tường	27/07/1973	Nam	PHT	V070515	20	01/01/2023	V070515	21%	01/01/2023
3	Nguyễn Thị Lệ Hà	01/07/1974	Nữ	TTCM	V070515	24	01/01/2023	V070515	25%	01/01/2023
4	Phạm Việt Anh	25/05/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	17	01/01/2023	V070515	18%	01/01/2023
5	Trịnh Thị Thu Hương	06/07/1971	Nữ	Giáo viên	V070515	21	01/01/2023	V070515	22%	01/01/2023
6	Đoàn Thị Minh Phương	12/09/1970	Nữ	Giáo viên	V070515	20	01/01/2023	V070515	21%	01/01/2023
7	Trần Thị Kim Hoa	22/04/1970	Nữ	Giáo viên	V070515	20	01/01/2023	V070515	21%	01/01/2023
8	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	12/07/1986	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/01/2023	V070515	13%	01/01/2023
9	Trịnh Thị Thu Huyền	03/04/1978	Nữ	Giáo viên	V070515	19	01/01/2023	V070515	20%	01/01/2023
10	Nguyễn Thị Bích Nga	26/05/1968	Nữ	Giáo viên	V070515	32	01/01/2023	V070515	33%	01/01/2023
11	Vũ Thị Thùy	20/05/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	9	01/01/2023	V070515	10%	01/01/2023
12	Đỗ Thị Tân	28/02/1975	Nữ	Giáo viên	V070515	24	01/01/2023	V070515	25%	01/01/2023
13	Phan Thị Hương Mai	26/03/1973	Nữ	Giáo viên	V070515	23	01/01/2023	V070515	24%	01/01/2023
14	Phạm Lê Phương Anh	25/11/1981	Nữ	Giáo viên	V070515	17	01/01/2023	V070515	18%	01/01/2023
15	Bùi Huy Hiếu	31/03/1979	Nam	Giáo viên	V070515	17	01/01/2023	V070515	18%	01/01/2023
16	Bùi Thị Lành	13/06/1978	Nữ	Giáo viên	V070515	21	01/01/2023	V070515	22%	01/01/2023
17	Tổng Thị Thoa	22/10/1980	Nữ	Giáo viên	V070515	17	01/01/2023	V070515	18%	01/01/2023
18	Lưu Hồng Xuân	22/10/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	17	01/01/2023	V070515	18%	01/01/2023
19	Nguyễn Thành Đô	02/11/1983	Nam	Giáo viên	V070515	12	01/01/2023	V070515	13%	01/01/2023
20	Chu Thị Thu Hà	15/04/1978	Nữ	Giáo viên	V070515	18	01/01/2023	V070515	19%	01/01/2023
21	Nguyễn Thị Bích Hà	07/09/1986	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/01/2023	V070515	13%	01/01/2023
22	Nguyễn Thị Huyền Thanh	27/06/1977	Nữ	Giáo viên	V070515	14	01/01/2023	V070515	15%	01/01/2023
23	Hoàng Quốc Định	23/01/1978	Nam	Giáo viên	V070515	19	01/01/2023	V070515	20%	01/01/2023
24	Nguyễn Thị Phương Anh	18/02/1979	Nữ	Giáo viên	V070514	17	01/01/2023	V070514	18%	01/01/2023
25	Phạm Thị Lan Hương	06/11/1975	Nữ	Giáo viên	V070515	20	01/01/2023	V070515	21%	01/01/2023
26	Bùi Văn Điều	28/01/1970	Nam	Giáo viên	V070515	22	01/01/2023	V070515	23%	01/01/2023
27	Dương Quỳnh Phương	21/10/1976	Nữ	Giáo viên	V070515	21	01/01/2023	V070515	22%	01/01/2023
28	Chu Thị Ánh Tuyết	23/04/1980	Nữ	Giáo viên	V070515	18	01/03/2022	V070515	19%	01/03/2023
29	Mai Thị Thu Hà	17/06/1980	Nữ	Giáo viên	V070515	14	01/03/2022	V070515	15%	01/03/2023
30	Trần Thị Hạnh	20/04/1982	Nữ	Giáo viên	V070515	16	01/03/2022	V070515	17%	01/03/2023
31	Vũ Thị Lan	05/05/1982	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/04/2022	V070515	16%	01/04/2023
32	Kiều Thị Thu	12/05/1985	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
33	Ngô Thu Loan	09/04/1984	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
34	Hoàng Thị Ngọc Hà	08/10/1983	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
35	Vũ Thị Ngọc Lan	16/03/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
36	Nguyễn Thị Thu Hoài	09/03/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
37	Vũ Thị Phương Nam	18/08/1978	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
38	Nguyễn Hương Ly	10/09/1982	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
39	Nguyễn Ngọc Hoàn	06/06/1979	Nam	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
40	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21/03/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	12	01/04/2022	V070515	13%	01/04/2023
41	Khổng Thị Huyền	11/11/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	19	01/04/2022	V070515	20%	01/04/2023
42	Nguyễn Thị Phương Mai	29/10/1975	Nữ	Giáo viên	V070515	21	01/04/2022	V070515	22%	01/04/2023
43	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/11/1975	Nữ	TPCM	V070514	22	01/05/2022	V070514	23%	01/05/2023



TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	MỨC PCTNNG ĐANG HƯỞNG NĂM 2022			NÂNG MỖI PCTNNG NÂNG NĂM 2023		
					Mã ngạch	% PCTNNG	Ngày tháng năm hưởng	Mã ngạch	% PCTNNG	Ngày tháng năm hưởng
1	2	3	4	5		11	12	24		
46	Lê Phương Mai	22/02/1982	Nữ	Giáo viên	V070515	13	01/05/2022	V070515	14%	01/05/2023
47	Đào Thị Lan	12/03/1985	Nữ	Giáo viên	V070515	13	01/05/2022	V070515	14%	01/05/2023
48	Kiều Xuân Thuý	27/07/1977	Nam	Giáo viên	V070515	13	01/05/2022	V070515	14%	01/05/2023
49	Nguyễn Thị Hiệp	26/04/1977	Nữ	Giáo viên	V070515	13	01/05/2022	V070515	14%	01/05/2023
50	Nguyễn Thị Đức	28/03/1985	Nữ	Giáo viên	V070515	13	01/05/2022	V070515	14%	01/05/2023
51	Trần Thị Thanh Hải	12/10/1976	Nữ	Giáo viên	V070515	17	01/05/2022	V070515	18%	01/05/2023
52	Nguyễn Tuyết Trang	26/02/1985	Nữ	Giáo viên	V070515	13	01/05/2022	V070515	14%	01/05/2023
53	Hoàng Thị Thanh Hương	07/03/1983	Nữ	Giáo viên	V070515	13	01/05/2022	V070515	14%	01/05/2023
54	Nguyễn Thị Vân Anh	05/11/1977	Nữ	Giáo viên	V070515	13	01/05/2022	V070515	14%	01/05/2023
55	Đinh Thùy Linh	15/09/1981	Nữ	Giáo viên	V070514	13	01/05/2022	V070514	14%	01/05/2023
56	Hoàng Thị Bích Thường	21/04/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	19	01/05/2022	V070515	20%	01/05/2023
57	Trần Anh Tuấn	20/06/1976	Nam	Giáo viên	V070515	14	01/07/2022	V070515	15%	01/07/2023
58	Phạm Thị Ngọc Huyền	16/10/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	18	01/08/2022	V070515	19%	01/08/2023
59	Ngô Phương Hải	06/09/1984	Nữ	Giáo viên	V070514	13	01/08/2022	V070514	14%	01/08/2023
60	Trần Thị Bích Hợp	12/02/1978	Nữ	HT	V070514	20	01/09/2022	V070514	21%	01/09/2023
61	Phạm Văn Hồng	19/03/1977	Nam	TTCM	V070515	20	01/09/2022	V070515	21%	01/09/2023
62	Nguyễn Kim Chi	19/05/1977	Nữ	Giáo viên	V070515	19	01/09/2022	V070515	20%	01/09/2023
63	Nguyễn Thị Tuyết Lan	28/02/1980	Nữ	Giáo viên	V070515	18	01/09/2022	V070515	19%	01/09/2023
64	Hà Thị Thắm	16/12/1973	Nữ	Giáo viên	V070515	24	01/09/2022	V070515	25%	01/09/2023
65	Lâm Thị Bích Dung	08/06/1975	Nữ	Giáo viên	V070515	23	01/09/2022	V070515	24%	01/09/2023
66	Nguyễn Phương Nga	28/10/1984	Nữ	Giáo viên	V070515	13	01/09/2022	V070515	14%	01/09/2023
67	Vũ Thị Ngọc Thủy	17/09/1975	Nữ	Giáo viên	V070514	24	01/09/2022	V070514	25%	01/09/2023
68	Đỗ Thị Hương	06/10/1976	Nữ	Giáo viên	V070515	23	01/09/2022	V070515	24%	01/09/2023
69	Phạm Thị Tuyết Thanh	10/12/1975	Nữ	Giáo viên	V070515	22	01/09/2022	V070515	23%	01/09/2023
70	Vương Thị Thuý	03/07/1976	Nữ	TPCM	V070515	22	01/10/2022	V070515	23%	01/10/2023
71	Vũ Văn Đại	16/11/1980	Nam	Giáo viên	V070515	17	01/10/2022	V070515	18%	01/10/2023
72	Nguyễn Thị Thuý Nga	02/12/1974	Nữ	Giáo viên	V070515	21	01/10/2022	V070515	22%	01/10/2023
73	Nguyễn Minh Thư	16/01/1982	Nữ	TPCM	V070514	15	01/11/2022	V070514	16%	01/11/2023
74	Trần Thị Cậy	12/12/1974	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
75	Hoàng Hữu Tình	06/08/1979	Nam	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
76	Ngô Thị Hằng	09/11/1981	Nữ	Giáo viên	V070515	16	01/11/2022	V070515	17%	01/11/2023
77	Phạm Thuý Linh	22/04/1984	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
78	Đỗ Thị Phương Bắc	22/02/1984	Nữ	Giáo viên	V070514	15	01/11/2022	V070514	16%	01/11/2023
79	Đàm Văn Thi	04/03/1980	Nam	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
80	Doãn Thanh Nhân	28/07/1979	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
81	Nguyễn Thị Xuân Diễm	18/08/1982	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
82	Đỗ Thị Nụ	23/06/1978	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
83	Đoàn Thị Huệ	22/07/1980	Nữ	Giáo viên	V070515	18	01/11/2022	V070515	19%	01/11/2023
84	Ngô Thị Minh Phú	08/08/1974	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
85	Đỗ Thị Thu Huyền	18/06/1981	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
86	Hoàng Minh Hiền	10/10/1980	Nữ	Giáo viên	V070515	15	01/11/2022	V070515	16%	01/11/2023
87	Nguyễn Thị Hương	09/04/1982	Nữ	Giáo viên	V070514	15	01/11/2022	V070514	16%	01/11/2023
88	Hoàng Trường Thuận	08/02/1980	Nam	Giáo viên	V070514	15	01/11/2022	V070514	16%	01/11/2023
89	Phùng Thị Ngoan	23/12/1978	Nữ	Giáo viên	V070514	21	01/12/2022	V070514	22%	01/12/2023

Kế toán

Chủ tịch Công Đoàn

Hà Nội ngày 15 tháng 12 năm 2022

PHÓ THÔN Hiệu trưởng